

Số: /QĐ-GDDT

Thủy Nguyên, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi huyện
cấp Trung học cơ sở năm học 2024 – 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Kế hoạch số 48/KH-GDDT ngày 11/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi huyện cấp Trung học cơ sở năm học 2024-2025;

Căn cứ kết quả đánh giá của Ban giám khảo Hội thi giáo viên dạy giỏi huyện cấp Trung học cơ sở năm học 2024 – 2025;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng GDDT thành phố Thủy Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi huyện cấp Trung học cơ sở năm học 2024 – 2025 cho 156 giáo viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi huyện cấp Trung học cơ sở năm học 2024 – 2025 được cấp giấy chứng nhận và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Năng

DANH SÁCH
Giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi huyện
cấp Trung học cơ sở năm học 2024 – 2025
(Kèm theo quyết định số /QĐ-GDDT ngày tháng năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trường THCS	Môn thi
1	Đỗ Thị Thu Hằng	1991	An Lư	Toán
2	Phạm Thị Thanh Tâm	1996	An Lư	Toán
3	Phạm Thị Lan	1982	An Lư	Khoa học tự nhiên
4	Trịnh Hoàng Vân	1980	An Lư	Khoa học tự nhiên
5	Lê Thị Thu Hà	1984	An Lư	Ngữ văn
6	Trần Thị Hoài	1992	An Lư	Ngữ văn
7	Lương Thị Hằng	1983	An Lư	Lịch sử và Địa lý
8	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1999	An Lư	Tiếng Anh
9	Nguyễn Thế Định	1982	Cao Nhân	Toán
10	Lê Thu Giang	1982	Cao Nhân	Khoa học tự nhiên
11	Nguyễn Thị Huệ	1982	Cao Nhân	Lịch sử và Địa lý
12	Nguyễn Thị Hạnh	1981	Cao Nhân	Tiếng Anh
13	Đặng Thu Uyên	1995	Chính Mỹ	Toán
14	Nguyễn Thị Lan	1977	Chính Mỹ	Ngữ văn
15	Nguyễn Đăng Anh	1977	Chính Mỹ	Lịch sử và Địa lý
16	Hoàng Thị Loan	1977	Chính Mỹ	Công nghệ
17	Trần Thị Hải Chi	1995	Dương Quan	Toán
18	Nguyễn Văn Vũ	1996	Dương Quan	Toán
19	Nguyễn Thị Thương	1990	Dương Quan	Khoa học tự nhiên
20	Phạm Thị Phương	1988	Dương Quan	Ngữ văn
21	Đỗ Thị Minh Thanh	1993	Dương Quan	Ngữ văn
22	Bùi Thị Thuỳ Dương	1997	Dương Quan	Tiếng Anh
23	Bùi Thị Lan Anh	2001	Hòa Bình	Toán
24	Trần Văn Đông	1994	Hòa Bình	Toán
25	Vũ Thị Hương	1987	Hòa Bình	Ngữ văn
26	Nguyễn Thị Linh Chi	2001	Hòa Bình	Tiếng Anh
27	Trịnh Thanh Tùng	1979	Hòa Bình	Giáo dục thể chất
28	Trần Thị Ngọc Minh	1987	Hoa Động	Toán
29	Bùi Thanh Hằng	1993	Hoa Động	Khoa học tự nhiên
30	Nguyễn Thị Hoàng Nho	1981	Hoa Động	Ngữ văn
31	Đặng Thị Thu Hường	1988	Hoa Động	Tiếng Anh
32	Phạm Thị Huỳ	1979	Hoa Động	Tin học
33	Đỗ Quỳnh Chi	1997	Hoàng Động	Khoa học tự nhiên
34	Hoàng Thị Thu Hiền	1990	Hoàng Động	Ngữ văn

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trường THCS	Môn thi
35	Nguyễn Thị Hải Yến	1997	Hoàng Động	Tiếng Anh
36	Bùi Thị Thom	1990	Hoàng Động	Khoa học tự nhiên
37	Mạc Thị Hương Giang	1996	Hợp Thành	Toán
38	Bùi Thị Thu Hà	1988	Hợp Thành	Khoa học tự nhiên
39	Phạm Thị Thanh Huyền	1982	Hợp Thành	Ngữ văn
40	Vũ Thị Khánh Huyền	1996	Kiên Bái	Toán
41	Phạm Thị Thương	1990	Kiên Bái	Khoa học tự nhiên
42	Đỗ Thị Phương Thảo	1981	Kiên Bái	Khoa học tự nhiên
43	Hoàng Thị Thu Huyền	1998	Kiên Bái	Ngữ văn
44	Hoàng Thị Thùy Vân	1986	Kiên Bái	Tiếng Anh
45	Nguyễn Thị Hằng	1999	Kỳ Sơn	Toán
46	Bùi Văn Hoán	1981	Kỳ Sơn	Khoa học tự nhiên
47	Bùi Thị Thùy Linh	1997	Kỳ Sơn	Ngữ văn
48	Bùi Văn Vinh	1983	Kỳ Sơn	Ngữ văn
49	Đỗ Thị Thu Trang	1979	Kỳ Sơn	Giáo dục thể chất
50	Vũ Thị Thanh Bình	1978	Lại Xuân	Toán
51	Lê Thị Hương	1990	Lại Xuân	Toán
52	Hoàng Thu Hà	1991	Lại Xuân	Khoa học tự nhiên
53	Đinh Thị Ngân	1995	Lại Xuân	Ngữ văn
54	Bùi Thị Cẩm Vân	1997	Lại Xuân	Ngữ văn
55	Vũ Thị Kim Ngân	1994	Lâm Động	Khoa học tự nhiên
56	Vũ Thị Yến	1996	Lâm Động	Ngữ văn
57	Bùi Văn Long	1975	Lâm Động	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
58	Vũ Văn Duy	1993	Lập Lễ	Toán
59	Đinh Thị Sen	1982	Lập Lễ	Khoa học tự nhiên
60	Phạm Thị Mỹ	1987	Lập Lễ	Ngữ văn
61	Nguyễn Thị Oanh	1978	Lập Lễ	Lịch sử và Địa lý
62	Đào Thị Lý	1981	Lập Lễ	Tiếng Anh
63	Bùi Thị Minh Hồng	1982	Lập Lễ	Tin học
64	Bùi Khánh Duy	1997	Lê Ích Mộc	Toán
65	Nguyễn Quang Tuấn	1980	Lê Ích Mộc	Toán
66	Vũ Thị Thúy	1978	Lê Ích Mộc	Toán
67	Lê Thị Thu Hoa	1979	Lê Ích Mộc	Khoa học tự nhiên
68	Nguyễn Thị Bích Liên	1981	Lê Ích Mộc	Khoa học tự nhiên
69	Nguyễn Thị Mai Linh	1999	Lê Ích Mộc	Tiếng Anh
70	Nguyễn Thị Phương Oanh	1998	Lê Ích Mộc	Tiếng Anh
71	Lê Thu Thùy	1983	Lê Ích Mộc	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
72	Nguyễn Thị Hà Nhi	1993	Liên Khê	Toán
73	Vũ Thị Hoa Nữ	1988	Liên Khê	Khoa học tự nhiên

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trường THCS	Môn thi
74	Phạm Thị Diệp	1998	Liên Khê	Ngữ văn
75	Vương Thị Thúy Ngân	1997	Liên Khê	Tiếng Anh
76	Nguyễn Thị Hương	1983	Liên Khê	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
77	Nguyễn Thị Thập	1979	Liên Khê	Giáo dục thể chất
78	Tạ Thị Hà	1998	Lưu Kiếm	Toán
79	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	1994	Lưu Kiếm	Toán
80	Lê Thị Nguyên	1991	Lưu Kiếm	Khoa học tự nhiên
81	Hoàng Thị Hải Ngọc	1987	Lưu Kiếm	Khoa học tự nhiên
82	Nguyễn Thùy Dương	1980	Lưu Kiếm	Khoa học tự nhiên
83	Đỗ Văn Việt	1975	Lưu Kiếm	Ngữ văn
84	Đinh Thị Hà	1977	Lưu Kiếm	Tiếng Anh
85	Tạ Hưng Hà	1983	Minh Đức	Toán
86	Bùi Thu Huyền	1990	Minh Đức	Khoa học tự nhiên
87	Vũ Hồng Hải	1979	Minh Đức	Lịch sử và Địa lý
88	Phạm Thị Hồng Thư	1982	Minh Đức	Tiếng Anh
89	Vũ Thị Giang	1982	Minh Đức	Nghệ thuật (Âm nhạc)
90	Đặng Thị Liên	1980	Minh Đức	Giáo dục thể chất
91	Phùng Thị Hương	1979	Minh Tân	Toán
92	Nguyễn Thị Phương	1980	Minh Tân	Giáo dục công dân
93	Đồng Thị Hương	1990	Minh Tân	Lịch sử và Địa lý
94	Nguyễn Thị Oanh	1981	Minh Tân	Tiếng Anh
95	Tạ Xuân Phương	1978	Mỹ Đồng	Lịch sử và Địa lý
96	Nguyễn Trung Kỳ	1981	Mỹ Đồng	Công nghệ
97	Nguyễn Thị Thu Hằng	1997	Mỹ Đồng	Ngữ văn
98	Nguyễn Thị Vân Anh	1996	Ngũ Lão	Toán
99	Trần Văn Việt	1994	Ngũ Lão	Toán
100	Bùi Thị Thuý	1988	Ngũ Lão	Khoa học tự nhiên
101	Đinh Thị Yến	1983	Ngũ Lão	Khoa học tự nhiên
102	Phạm Hồng Hạnh	1992	Ngũ Lão	Tiếng Anh
103	Phạm Thị Thương	1993	Nguyễn Văn Cừ	Toán
104	Nguyễn Thị Soan	1990	Nguyễn Văn Cừ	Ngữ văn
105	Phạm Thị Tuyết Nhung	1980	Nguyễn Văn Cừ	Giáo dục công dân
106	Trần Thị Hương	1980	Nguyễn Văn Cừ	Lịch sử và Địa lý
107	Vũ Thị Thu Trang	1977	Nguyễn Văn Cừ	Tiếng Anh
108	Nguyễn Thị Hằng Nga	1978	Nguyễn Văn Cừ	Công nghệ
109	Nguyễn Thị Linh	1990	Nguyễn Văn Cừ	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
110	Nguyễn Thị Thực	1980	Nguyễn Văn Cừ	Nghệ thuật (Âm nhạc)
111	Đinh Hữu Trọng	1989	Phả Lễ	Khoa học tự nhiên
112	Đỗ Thị Tĩnh	1981	Phả Lễ	Tiếng Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trường THCS	Môn thi
113	Nguyễn Thị Hạnh	1978	Phả Lễ	Giáo dục thể chất
114	Đặng Thùy Linh	1995	Phan Chu Trinh	Toán
115	Nguyễn Xuân Ngo	1991	Phan Chu Trinh	Khoa học tự nhiên
116	Đoàn Thị Mai	1989	Phan Chu Trinh	Ngữ văn
117	Mạc Đức Thanh	1999	Phan Chu Trinh	Lịch sử và Địa lý
118	Nguyễn Thị Nhã	1980	Phan Chu Trinh	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
119	Nguyễn Thị Nguyệt	1993	Phục Lễ	Toán
120	Nguyễn Thị Lệ Quyên	1976	Phục Lễ	Lịch sử và Địa lý
121	Đồng Thị Hương Giang	1981	Phục Lễ	Nghệ thuật (Mỹ thuật)
122	Đồng Thị Nga	1987	Quảng Thanh	Toán
123	Nguyễn Thị Hoàng Yến	1995	Quảng Thanh	Toán
124	Vì Thị Huế	1994	Quảng Thanh	Khoa học tự nhiên
125	Đặng Thị Thuỷ Nguyên	1991	Quảng Thanh	Tiếng Anh
126	Đỗ Thị Hồng Quyên	1983	Quảng Thanh	Tiếng Anh
127	Phạm Thị Minh Hiếu	1981	Tam Hưng	Lịch sử và Địa lý
128	Chu Thị Thanh Thủy	1985	Tam Hưng	Tiếng Anh
129	Trần Thị Thủy Dung	1988	Tam Hưng	Tin học
130	Vũ Thị Huyền	1978	Tam Hưng	Giáo dục thể chất
131	Lê Quỳnh Hương	2000	Tân Dương	Toán
132	Chu Thị Phương	1986	Tân Dương	Ngữ văn
133	Nguyễn Thị Thanh Mai	1979	Tân Dương	Tiếng Anh
134	Đồng Huyền Thu	1977	Thiên Hương	Toán
135	Nguyễn Thị Tâm	1977	Thiên Hương	Ngữ văn
136	Đào Thị Hương	1978	Thiên Hương	Tiếng Anh
137	Bùi Xuân Quỳnh	1981	Thiên Hương	Giáo dục thể chất
138	Đào Thị Trà My	2001	Thủy Đường	Toán
139	Nguyễn Thị Tú	1983	Thủy Đường	Khoa học tự nhiên
140	Phạm Thị Vi	1979	Thủy Đường	Ngữ văn
141	Nguyễn Thị Mai Hoa	1980	Thủy Đường	Tiếng Anh
142	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1993	Thủy Đường	Tiếng Anh
143	Trần Thị Mai	1982	Thủy Đường	Giáo dục thể chất
144	Nguyễn Thị Thùy Dung	1987	Trần Hưng Đạo	Toán
145	Nguyễn Thị Phương Thúy	1981	Trần Hưng Đạo	Toán
146	Phạm Thị Thanh Dung	1989	Trần Hưng Đạo	Khoa học tự nhiên
147	Trần Thị Nguyên	1995	Trần Hưng Đạo	Khoa học tự nhiên
148	Hoàng Thị Nga	1981	Trần Hưng Đạo	Ngữ văn
149	Phạm Thị Hương	1982	Trần Hưng Đạo	Lịch sử và Địa lý
150	Hoàng Thị Hường	1981	Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh
151	Hoàng Thị Lý	1979	Trần Hưng Đạo	Tiếng Anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trường THCS	Môn thi
152	Nguyễn Đức Nhã	1980	Trần Hưng Đạo	Công nghệ
153	Nguyễn Thị Mơ	1993	Trần Nhật Duật	Toán
154	Hoàng Thị Phương Thảo	1997	Trần Nhật Duật	Khoa học tự nhiên
155	Đỗ Thị Hoài Anh	1981	Trần Nhật Duật	Lịch sử và Địa lý
156	Đào Thị Hà Thu	2001	Trần Nhật Duật	Tiếng Anh

** Danh sách trên có 156 người./.*